TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: **527**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2022
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoa Kiều;

2. Ông Nguyễn Quốc Aần;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thơ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Phạm Cnh Thanh – Kiểm sát viên;

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/7/2022 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2022/QĐXXST-HN ngày 23/8/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 183/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trần Thị Mộng A**, sinh năm 1980 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp M1, xã N1, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Phạm Xuân B**, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Trần Thị Mộng A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Xuân B sống chung như vợ chồng vào năm 2003 có đăng ký kết hôn lại tại UBND xã N, sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn vợ chồng gay gắt, không hòa hợp về tính tình, không còn tin tưởng nhau anh B không chăm lo cho vợ con, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, hiện nay đã ly thân nhau. Nay

nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh B.

Về con chung: có 02 con chung tên Phạm Thị Diễm C, sinh ngày 23/4/1997 đã trưởng thành, lao động được nên chị không có yêu cầu gì. Cháu Phạm Thị Bảo D, sinh ngày 22/01/2008 hiện đang sống với chị, ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi và không yêu cầu anh B cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung;

Về nợ chung: Không có nợ chung;

Bị đơn anh Phạm Xuân B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo qui định pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và không có gửi văn bản ghi ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của chị A đối với anh B.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân thủ pháp luật về thẩm quyền giải quyết, về quan hệ tranh chấp, về thu thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật tố tụng; Về thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi hồ sơ; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng quy định.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của họ theo quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt không lý do, không thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát có lập luận lý do chị Trần Thị Mộng A xin ly hôn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, đã ly thân từ năm 2016 đến nay do anh B và chị A có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không còn tình cảm, anh B đã được triệu tập không đến chứng tỏ anh B không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên đề nghị Tòa cho chị A ly hôn và giao con chung chưa trưởng thành cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng để ổn định về tâm lý cũng như chỗ ở cho cháu; Anh B không cấp dưỡng nuôi con do chị A chưa yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị Mộng A và anh Phạm Xuân B qua tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/08/2003 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Mộng A có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do bận việc. Bị đơn anh Phạm Xuân B đã được triệu tập hợp lệ xét xử, nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị A và anh B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Mộng A; Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên nhân chị A xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn gay gắt về tình cảm, quan điểm sống, vợ chồng không còn quan tâm nhau, đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay dẫn đến mục đích hôn nhân hiện tại không đạt được, chị A kiên quyết xin ly hôn để ổn định cuộc sống là có căn cứ. Phía anh B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh B vẫn không đến Tòa án và cũng không có gửi văn bản ghi ý kiến hay phản đối gì về yêu cầu khởi kiện của chị A, điều đó cho thấy anh B không có thiện chí để hàn gắn tình cảm với chị A nên cần xem xét cho chị A ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị A khai có 02 con chung tên Phạm Thị Diễm C, sinh ngày 23/4/1997 đã trưởng thành, lao động được nên chị không có yêu cầu gì. Phạm Thị Bảo D, sinh ngày 22/01/2008 hiện đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu D. Xét yêu cầu xin được tiếp tục nuôi con chung của chị A, Hội đồng xét xử xét thấy hiện cháu Phạm Thị Bảo D đang sống với chị A và ý chí nguyện vọng của cháu cũng muốn được sống với chị A, anh B không có ý kiến phản đối nên cần giữ ổn định cho cháu về nơi ở, về mặt tâm lý nên giao cho chị A tiếp tục nuôi cháu D. Chị A không có yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh B đến khi chị A có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị Mộng A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định.

[**8**] Về quyền kháng cáo: Chị A và anh B có quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ theo qui định pháp luật.

[9] Xét ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án có căn cứ phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Mộng A đối với anh Phạm Xuân B.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mộng A được ly hôn với anh Phạm Xuân B;

1.2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Bảo D, sinh ngày 22/01/2008 cho chị Trần Thị Mộng A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị A chưa có yêu cầu. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh B đến khi chị A có yêu cầu.

Anh B có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở. Anh B không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

1.3. Về tài sản chung: Không có;

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Mộng A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0024955 ngày 07/07/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Gạo nên xem như nộp xong án phí.

3. Quyền kháng cáo: Chị A và anh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mỹ Lil

***** Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG (thay báo cáo);
- VKSND huyện Chợ Gạo (để giám sát);
- CCTHADS huyện CG (để thi hành);
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ